

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 2777 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường dự án Khu nhà ở Hưng Thịnh Phát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Group số 38/CV-HTP
ngày 22/11/2024 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
612/TTr-STNMT ngày 10 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu nhà ở Hưng Thịnh Phát” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Group (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại địa bàn xã Cửu Cao và thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận: 

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Văn Giang;
- UBND xã Cửu Cao và thị trấn Văn Giang;
- Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Group;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Công ty TTĐT tỉnh (đăng tải công khai);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^L.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của dự án Khu nhà ở Hưng Thịnh Phát

(Kèm theo Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu nhà ở Hưng Thịnh Phát.
- Địa điểm thực hiện: Thuộc địa bàn xã Cửu Cao và thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Group.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Tại khu đất có diện tích 38.009,53 m² theo Công văn số 1746/UBND-TH ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh và diện tích 200 m² theo Công văn số 688/UBND-KT&HT ngày 30/8/2022 của UBND huyện Văn Giang thuộc địa bàn xã Cửu Cao và thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu nhà ở liền kề có kiến trúc hiện đại, đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu ở của người dân khu vực; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Quy mô đầu tư:

+ Quy mô dân số khoảng: 900 người.

+ Quy mô về sản phẩm dịch vụ cung cấp: Gồm 214 căn nhà liền kề và 09 căn biệt thự với tổng diện tích xây dựng là 20.285 m², tổng diện tích sàn khoảng 85.283,78 m².

+ Cơ cấu sử dụng đất của dự án:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	20.285,00	53,37
-	Đất ở liền kề	16.756,34	
-	Đất ở biệt thự	3.528,66	
2	Đất thương mại dịch vụ	2.190,54	5,76
3	Đất giao thông	15.533,99	40,87
	Tổng	38.009,53	100

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án không bao gồm hoạt động khai thác và vận chuyển vật liệu san nền phục vụ san nền, thi công hạ tầng.

1.3. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 100,6 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; mùi từ khu lưu giữ rác, hệ thống xử lý nước thải; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống tiêu thoát nước, xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 4,0 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, coliform.
 - + Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị thi công và rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu vào dự án phát sinh khoảng 8,1 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.
- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 173,9 m³/ngày đêm (trong đó: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân khoảng 133,76 m³/ngày đêm; nước thải phát sinh từ khu đất thương mại, dịch vụ khoảng 40,14 m³/ngày đêm), có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, coliform.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.
- Giai đoạn vận hành:
 - + Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông và hoạt động đun nấu, hệ thống điều hòa, chủ yếu là bụi, CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.
 - + Mùi phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,025 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm...
 - + Chất thải rắn thông thường gồm: Phát sinh khoảng 124.940 kg, gồm: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép.
 - + Khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa phát sinh khoảng 30,18 m³; khối lượng đất đào các khối nhà, công trình thương mại phát sinh khoảng 79.389,486 m³.
 - + Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 200 kg/tháng trong quá trình xây dựng, gồm: Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng kim loại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bóng

đèn huỳnh quang thải; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại; sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa thành phần nguy hại.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Phát sinh khoảng 421,422 tấn/năm, có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ. Ngoài ra, còn có bùn từ hệ thống bể hoại, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 880 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang hỏng; pin, ắc quy thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải; các loại dược phẩm gây độc tế bào thải; sơn, mực in, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng kim loại (bình xịt côn trùng, vỏ bình ắc quy, chai lọ đựng hoá chất, sơn, dầu mỡ,...).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Từ các hoạt động sinh hoạt của người dân, trung tâm thương mại dịch vụ, phương tiện giao thông.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải tác động đến môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động loại 8.000 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị và rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu vào dự án được thu gom về hố ga lắng cặn (có vật liệu thấm dầu) đảm bảo vệ sinh môi trường, tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng, làm ẩm công trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trường hợp, Khu ở đô thị trung tâm huyện Văn Giang hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên, toàn bộ nước thải của dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, khu trung tâm thương mại dịch vụ và thu gom, đầu nối xử lý tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

+ Trường hợp, Khu ở đô thị trung tâm huyện Văn Giang chưa hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên, toàn bộ nước thải của dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, khu trung tâm thương mại dịch vụ và thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm (gồm 02 modul có công suất 100 m³/ngày đêm/01 modul) đặt tại khu đất có diện tích 200 m² theo Công văn số 688/UBND-KT&HT ngày 30/8/2022 của UBND huyện Văn Giang

đảm bảo xử lý đạt QCDP 01:2019/HY ($K=1$, $K_{hy}=0,85$) trước khi thải ra môi trường, quy trình: Nước thải $\rightarrow$ hố gom $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể thiếu khí $\rightarrow$ bể hiếu khí (có lắp khung màng MBR) $\rightarrow$ bể lắng sinh học $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ nước thải đạt QCDP 01:2019/HY ($K=1$, $K_{hy}=0,85$) thải ra kênh Ngưu Giang thuộc địa bàn thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): $X(m)=2317245$; $Y(m)=546215$.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; trường hợp, Khu ở đô thị trung tâm huyện Văn Giang hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên, toàn bộ nước thải của dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, khu trung tâm thương mại dịch vụ và thu gom, đầu nối xử lý tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; trường hợp, Khu ở đô thị trung tâm huyện Văn Giang chưa hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên, toàn bộ nước thải của dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, khu trung tâm thương mại dịch vụ và thu gom, xử lý nước thải tập trung tại hệ thống xử lý nước thải có công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đạt QCDP 01:2019/HY ($K=1$, $K_{hy}=0,85$) thải ra kênh Ngưu Giang thuộc địa bàn thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh Dự án để hạn chế bụi.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn phát sinh được thu gom trong ngày để tránh việc phát tán và phát sinh mùi hôi.

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung; các yêu cầu vận hành và giám sát trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện công tác vệ sinh môi trường nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống cho cộng đồng.

+ Bố trí hợp lý hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi và tiếng ồn.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy kín dung tích 100 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
 - + Chất thải xây dựng: Phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
 - + Đối với đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa được tận dụng để trồng cây xanh tại dự án; đất đào các khối nhà, công trình thương mại được tận dụng để san nền tại dự án; không vận chuyển ra ngoài khuôn viên dự án.
 - + Chất thải nguy hại: Bố trí 05 thùng chứa có nắp đậy dung tích 200 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Giai đoạn vận hành: Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện phân loại rác thải tại nguồn theo Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bố trí phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường; chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại rác thải sinh hoạt.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ra không vượt quá giới hạn cho phép.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.
- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 02 điểm.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực đầu và cuối khu đất thực hiện dự án.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂, vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát nước thải:*

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ nước thải theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa trình cấp có thẩm quyền chấp thuận và bảo vệ, sử dụng lượng đất hữu cơ này theo quy định tại Luật Trồng trọt, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp đảm bảo hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất

lượng nước mặt, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại rác thải sinh hoạt.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố ngập úng, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân làm việc cho Dự án và hướng dẫn cư dân của Dự án tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./. 